

Số: 279/2022/QĐST-HNGĐ

Càng Long, ngày 07 tháng 10 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Thanh Long.
2. Ông Nguyễn Văn Xuôi.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 55, 58, 59, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân thụ lý số: 230/2021/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc “*Tranh chấp ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con, cấp dưỡng, chia tài sản chung khi ly hôn và nợ chung*” giữa:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hương D, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp L (ấp L), xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn N Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp L (ấp L), xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 1/. anh Lê Vương T, sinh năm 2002.

2/. Chị Lê Nhã T, sinh năm 2007.

Cùng địa chỉ: ấp L (nay là ấp L), xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3/. Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C.

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4/. Bà Phạm Thị Anh T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5/. Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: bà Phạm Thị Hương D và ông Lê Văn Đ tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung tên*: Lê Vương T, sinh ngày 17/12/2002 đã thành niên và Lê Nhã T, sinh ngày 11/01/2007 hiện đang sống chung với bà D. Theo nguyện vọng của cháu Nhã T muốn được sống chung với bà D, bà D và ông Đ tự nguyện thỏa thuận về quyền nuôi dưỡng con như sau: bà Phạm Thị Hương D được quyền nuôi dưỡng con tên Lê Nhã T, sinh ngày 11/01/2007, đối với con tên Lê Vương T đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: ông Lê Văn Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cấp dưỡng cho đến khi cháu Nhã T tròn 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: ông Đ được tiếp tục quản lý sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 358m² (diện tích theo hiện trạng 332,7m²), thửa số 698, tờ bản đồ số 15 do ông Lê Văn Đ đại diện hộ đứng tên, tọa lạc tại ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh và diện tích 1030m², thuộc thửa 1167, tờ bản đồ số 41, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc thị trấn C, huyện C.

(Kèm theo sơ đồ kết quả khảo sát đo đạc Công văn số: 200/CNHCL ngày 21/7/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện C).

- *Về nghĩa vụ giao trả tiền*: ông Lê Văn Đ tự nguyện giao ½ giá trị nhà và đất của thửa đất số 698 và thửa đất số 1167 cho bà Phạm Thị Hương D, tổng cộng giá trị nhà đất của thửa đất số 698 và thửa đất số 1167 là 571.568.354 đồng/2 = 285.784.000 đồng. Ông Lê Văn Đ tự nguyện hỗ trợ thêm cho bà Phạm Thị Hương D 50.000.000 đồng.

Sau khi Tòa án định giá tài sản ông Đ có làm thêm phần tiền chế trước sân và sửa hàng rào khoảng 30.000.000 đồng, đối với cây trồng và vật dụng trong nhà của thửa đất số 698 bà D và ông Đ không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

- *Về thời gian giao trả tiền:* bà Phạm Thị Hương D và ông Lê Văn Đ tự nguyện thỏa thuận do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Để đảm bảo cho việc thi hành án, các đương sự có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng, cấm thay đổi hiện trạng đất dưới bất cứ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền. Khi án có hiệu lực pháp luật các bên có liên quan có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chỉnh lý, thay đổi, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Về nợ chung:* Ngân hàng Nông Nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C số tiền 40.000.000 đồng; Nợ tiền hui chết của bà Phạm Thị Anh T số tiền 14.000.000 đồng, đã trả được 6.000.000 đồng, còn thiếu lại 8.000.000 đồng; Nợ tiền hui chết của bà Nguyễn Thị Mỹ D số tiền 6.000.000 đồng, bà D đã trả đủ cho bà D không còn thiếu. Do Ngân hàng Nông Nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C, bà Phạm Thị Anh T, bà Nguyễn Thị Mỹ D có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ này trong vụ kiện ly hôn giữa bà D và ông Đ, nên không xem xét.

- *Về án phí:* bà Phạm Thị Hương D tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ qua số tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2020/0006439 ngày 19/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà Phạm Thị Hương D đã nộp đủ tiền án phí, ông Lê Văn Đ không phải chịu án phí.

- *Về án phí chia tài sản:* ông Lê Văn Đ tự nguyện nộp 7.144.600 đồng, bà Phạm Thị Hương D tự nguyện nộp 7.144.600 đồng nhưng được trừ qua số tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp là 5.725.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2020/0006438 ngày 19/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà D còn phải nộp tiếp số tiền 1.419.600 đồng.

- *Về chi phí thẩm định, chi phí định giá tài sản:* Số tiền 1.718.000 đồng, ông Lê Văn Đ tự nguyện nộp 859.000 đồng, bà Phạm Thị Hương D tự nguyện nộp 859.000 đồng được trừ vào số tiền bà D đã nộp tạm ứng trước số tiền là 1.718.000 đồng, số tiền ông Đ nộp 859.000 đồng được hoàn trả cho bà D tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện, tỉnh.
- CCTHADS huyện.
- Các đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Trúc Linh